

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở
(15 lô đất) tổ chức ngày 05/11/2020 tại Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1046/TTr-STNMT ngày 09/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở (15 lô đất) thuộc Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, thành phố Quy Nhơn (tổ chức ngày 05/11/2020) tại Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt, với tổng số tiền trúng đấu giá phải thu, nộp vào NSNN là **49.403.960.000 đồng** (Bốn mươi chín tỷ, bốn trăm lẻ ba triệu, chín trăm sáu chục nghìn đồng), chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Quy Nhơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện thu các khoản nghĩa vụ tài chính, hoàn tất thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng trúng đấu giá theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TỔ CHỨC NGÀY 05/11/2020 TẠI CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH KIỂU VIỆT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI TRÚNG ĐẦU GIÁ	ĐỊA CHỈ	NĂM SINH	SỐ CMND	KÝ HIỆU SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (m2)	TÊN ĐƯỜNG	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT	GIÁ TRÚNG ĐẦU GIÁ (đồng)	ĐỊA CHỈ THỬA ĐẤT
I	Khu ĐƠ 01, Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc QL1D										
1	Phan Thị Bích Huệ	25 Thi Sách, TP Quy Nhơn	1975	211622368	18 Khu ĐƠ 01	150,0	Đường A2 và đường A7, lộ giới 12m - 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	6.804.000.000	Khu ĐƠ 01, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
II	Khu ĐƠ 03, Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc QL1D										
2	Nguyễn Thị Lê	Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn	1979	211612633	12 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A3, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.900.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
3	Phạm Hữu Tốt	17/4 Phan Bội Châu, TP Quy Nhơn	1971	211328585	13 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A3, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.800.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
	Phan Thị Hồng Minh		1977	211622640							
4	Trần Thị Hoa	59 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn	1983	215555166	14 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A3, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.400.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
5	Nguyễn Tuấn Anh	Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	1971	215566979	15 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A3, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.900.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
6	Trần Thị Thúy Linh	KV5, phường Đống Đa, TP Quy Nhơn	1984	215481356	20 Khu ĐƠ 03	87,3	Đường A3 và đường A7, lộ giới 13m - 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	3.815.280.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI TRÚNG ĐẦU GIÁ	ĐỊA CHỈ	NĂM SINH	SỐ CMND	KÝ HIỆU SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (m2)	TÊN ĐƯỜNG	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT	GIÁ TRÚNG ĐẦU GIÁ (đồng)	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT
7	Lê Thị Hồng	KV4, phường Quang Trung, TP Quy Nhơn	1983	215341078	21 Khu ĐƠ 03	92,5	Đường A7, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	3.463.600.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
8	Đào Thị Kim Dung	TT Phú Phong, huyện Tây Sơn	1971	211309784	22 Khu ĐƠ 03	97,2	Đường A7, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	3.537.600.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
9	Trần Thị Thịnh	TT Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân	1981	211717450	23 Khu ĐƠ 03	99,2	Đường A7, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	3.194.600.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
10	Nguyễn Đại Phú	Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn	1993	215260769	24 Khu ĐƠ 03	101,2	Đường A7, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.833.600.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
11	Đinh Thị Thúy Nga	KV5, phường Nguyễn Văn Cừ, TP Quy Nhơn	1969	211185736	25 Khu ĐƠ 03	132,3	Đường A4 và đường A7, lộ giới 17,5m - 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	4.667.280.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
12	Trần Thị Hoa	59 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn	1983	215555166	30 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A4, lộ giới 17,5m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.496.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
13	Trần Thị Hoa	59 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn	1983	215555166	31 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A4, lộ giới 17,5m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.496.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
14	Trịnh Đăng Lâm	Số 41 Phan Đình Phùng, TP Quy Nhơn	1964	211135994	32 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A4, lộ giới 17,5m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.496.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
15	Ngô Văn Tuấn	Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	1988	215032713	33 Khu ĐƠ 03	80,0	Đường A4, lộ giới 17,5m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.600.000.000	Khu ĐƠ 03, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
	TỔNG CỘNG					1.399,7				49.403.960.000	